

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 11 tháng 8 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 19/2020/TLST – DS ngày 22 tháng 4 năm 2020..

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Vợ chồng ông **Phạm Ngọc T** – sinh năm 1960, bà **Trần Thị K** – sinh năm 1957; Địa chỉ: thôn Đ, xã T, huyện A, tỉnh Phú Yên.

* *Bị đơn*: Ông **Võ Thanh S** – sinh năm 1970; Địa chỉ: thôn Đ, xã T, huyện A, tỉnh Phú Yên.

* *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn*: Ông **Trần Danh Tương** – Luật sư Văn phòng Luật sư Trần Danh; Địa chỉ: 73 Trần Phú, thị trấn Chí Thạnh, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

* *Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

1. Ủy ban nhân dân huyện A, tỉnh Phú Yên.

2. Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, tỉnh Phú Yên.

3. Bà **Bùi Thị N** – sinh năm 1969; Địa chỉ: thôn Đ, xã T, huyện A, tỉnh Phú Yên.

4. Anh **Phạm Ngọc T1** – sinh năm 1979; Địa chỉ: thôn Đ, xã T, huyện A, tỉnh Phú Yên.

5. Anh **Phạm Ngọc T2** – sinh năm 1982; Địa chỉ: thôn Đ, xã T, huyện A,

tỉnh Phú Yên.

6. Ông **Võ Thanh T3** – sinh năm 1939; Địa chỉ: thôn Đ, xã T, huyện A, tỉnh Phú Yên.

7. Bà **Nguyễn Thị P** – sinh năm 1943; Địa chỉ: thôn Đ, xã T, huyện A, tỉnh Phú Yên.

8. Chị **Võ Thị L** – sinh năm 1968; Địa chỉ: khu phố Ngân Sơn, thị trấn Chí Thạnh, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

9. Anh **Võ Ngọc T (T)** – sinh năm 1976; Địa chỉ: khu phố Chí Thạnh, thị trấn Chí Thạnh, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

10. Chị **Võ Thị Kim T** – sinh năm 1979; Địa chỉ: thôn Hội Phú, xã An Ninh Tây, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

11. Chị **Võ Thị Thanh K** – sinh năm 1983; Địa chỉ: thôn Đ, xã T, huyện A, tỉnh Phú Yên.

12. Anh **Võ Thành C** – sinh năm 1988; Địa chỉ: thôn Đ, xã T, huyện A, tỉnh Phú Yên.

13. Anh **Lê Quang T** – sinh năm 1987; ; Địa chỉ: khu phố Ngân Sơn, thị trấn Chí Thạnh, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

14. Anh **Lê Phú Q** – sinh năm 1990; Địa chỉ: khu phố Ngân Sơn, thị trấn Chí Thạnh, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

** Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Phạm Ngọc T1 và Phạm Ngọc T2: bà **Trần Thị K** – sinh năm 1957; Địa chỉ: thôn Đ, xã T, huyện A, tỉnh Phú Yên.*

** Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Võ Thanh T: Anh **Võ Thành C** – sinh năm 1988; Địa chỉ: thôn Đ, xã T, huyện A, tỉnh Phú Yên.*

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Hộ ông Phạm Ngọc T, bà Trần Thị K do ông Phạm Ngọc T đại diện: nhận thừa đất số 654b, tờ bản đồ số 8, diện tích 658m² (bản đồ 299) đo đạc thực tế và tại bản đồ 2012 được tách thành hai thửa là thửa 1030, diện tích 216,1m² và thửa 1047, diện tích 306,3m², tổng cộng 522,4m², tờ bản đồ số 8 đất màu tại thôn Đ, xã T, huyện A, tỉnh Phú Yên. Có giới cận Đông giáp thửa 1029 của ông Nguyễn Văn T; Tây giáp đường đi nội bộ; Nam giáp đường đi và Bắc giáp thửa 986 của ông Trần Văn N.

- Hộ ông Võ Thanh S, bà Bùi Thị N do ông Võ Thanh S đại diện: nhận thừa đất số 142, tờ bản đồ số 9, diện tích 860m² (bản đồ 299) đo đạc thực tế và tại bản

đồ 2012 được tách thành hai thửa là thửa 525, diện tích 454,3m² và thửa 565, diện tích 409,8m², tổng cộng 864,1m², tờ bản đồ số 8 đất màu tại thôn Đ, xã T, huyện A, tỉnh Phú Yên. Có giới cận (theo bản đồ 2012): Nam và Tây giáp nương thủy lợi; Đông giáp đất Ủy ban nhân dân xã T quản lý; Bắc giáp đất Ủy ban nhân dân xã T quản lý và thửa 519 của bà Thiều Thị Đ.

- Hộ ông Võ Thanh T3 do ông T3 đại diện: nhận thửa đất 410, tờ bản đồ số 9, diện tích 600m² (bản đồ 299) đo đạc thực tế và tại bản đồ 2012 là thửa 69, tờ bản đồ số 7, diện tích 643,2m² đất màu tại thôn Đ, xã T, huyện A, tỉnh Phú Yên. Có giới cận: Đông giáp thửa đất số 57 của ông Võ Thanh T3; Tây giáp đất rừng sản xuất của ông Võ Thanh T3; Nam giáp thửa 72 của Nguyễn Thị Mỹ Y và thửa 73 của Trương Văn T; Bắc giáp đường đi.

(Có các bản sơ họa kèm theo).

Các bên đương sự có trách nhiệm liên hệ với Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền xem xét điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 2.100.000đ, Vợ chồng ông T, bà K; ông S và ông T3 đã nộp đủ.

- Chi phí định giá 3.000.000đ: vợ chồng ông Phạm Ngọc T và ông Võ Thanh S, mỗi bên chịu 1.500.000đ. Các bên đương sự đã nộp đủ.

- **Về án phí:** vợ chồng ông Phạm Ngọc T, bà Trần Thị K thỏa thuận tự nguyện chịu 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền ký hiệu AA/2015/0003426 ngày 19/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy An. Hoàn lại cho vợ chồng ông T, bà K **150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*)** tiền tạm ứng án phí theo biên lai nêu trên tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

Vợ chồng ông T và vợ chồng ông S đã thống nhất tự lập biên bản thỏa thuận giao tiền trước ngày Tòa án tiến hành hòa giải và yêu cầu Tòa án ghi nhận trong quyết định, nội dung các đương sự tự thỏa thuận: Vợ chồng ông Võ Thanh S, bà Bùi Thị N, đã giao cho vợ chồng ông T, bà K số tiền 6.000.000đ là tiền thối lại phần thừa của diện tích đất đang tranh chấp tại thửa 142, tờ bản đồ số 9, diện tích 860m² (bản đồ 299) đo đạc thực tế và tại bản đồ 2012 được tách thành hai thửa là thửa 525, diện tích 454,3m² và thửa 565, diện tích 409,8m², tổng cộng 864,1m², tờ bản đồ số 8 đất màu tại thôn Đ, xã T, huyện A, tỉnh Phú Yên và tiền tạm ứng chi phí định giá 1.500.000đ. Ông T, bà K đã nhận đủ 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện A;
- THADS huyện A;
- Đường sự;
- Lưu hs, AV.

THẨM PHÁN

Lê Thị Xuân Hương